

Bản án số: 135/2022/DS-ST

Ngày: 18/8/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vũ Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tịnh;
2. Bà Vương Thị Nga.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Quyên- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPSGTT(S); địa chỉ: x-x đường xxxx, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông NCT, sinh năm: 1992 (Văn bản ủy quyền số 115/2021/CV-PGDBP ngày 05/11/2021), (vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Ông TNT, sinh năm: 1962; địa chỉ: x đường xxx, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh,;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2021, các bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/12/2014, Ngân hàng TMCPSGTT (gọi tắt là Ngân hàng) có ký

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Căn cứ thu nhập của ông TNT, Ngân hàng TMCPSGTT đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông TNT đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.905.608 đồng.

Căn cứ Bản tóm tắt sao kê, thể hiện nội dung vào kỳ sao kê ngày 05/3/2017, kể từ kỳ thanh toán tháng 5/2021 đến nay ông TNT đã không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Do đó, ngày 05/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn với số tiền gốc là 17.866.022 đồng (Trong đó bao gồm: nợ cuối kỳ 17.295.097 đồng, nợ lãi trong hạn 372.388 đồng, phí trễ hạn 198.537 đồng), lãi quá hạn tính từ ngày 01/6/2017 đến 18/8/2022 là 37.086.786 đồng. Tổng cộng Ngân hàng yêu cầu ông TNT thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 18/8/2022 là 54.952.808 đồng.

Ông TNT còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

\* *Đối với bị đơn ông TNT:* Trong quá trình giải quyết vụ án ông TNT không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCPSGTT.

\* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tố tụng, niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tố tụng Thông báo thụ lý cho bị đơn theo khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát Quận 11 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCPSGTT về việc buộc ông TNT thanh toán cho Ngân hàng TMCPSGTT đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số tiền tạm tính đến ngày 18/8/2022 là 54.952.808 đồng, trong đó tiền nợ gốc 17.866.022 đồng, nợ lãi quá hạn 37.086.786 đồng và tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 19/8/2022 trên số nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán xong số nợ.

Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

*\* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP SGTT và ông TNT là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn là ông TNT có nơi cư trú cuối cùng là Quận 11, nên căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

*\* Về người tham gia tố tụng:* Bị đơn ông TNT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ngày 30/6/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông NCT có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Về chứng cứ của vụ án:*

Phía nguyên đơn đã nộp Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; đồng thời nộp các chứng cứ khác về tình trạng pháp lý của nguyên đơn, nhân thân của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến, tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là tài liệu bản sao; đồng thời bị đơn không có văn bản phản đối nội dung và tính pháp lý của tài liệu là chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bản sao Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là chứng cứ để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng; đồng thời xem xét cùng với các chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở để giải quyết vụ án.

*[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

*\* Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc:*

Ngày 01/12/2014, Ngân hàng TMCPSGTT (gọi tắt là Ngân hàng) có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng).

Căn cứ thu nhập của ông TNT, Ngân hàng TMCPSGTT đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông TNT đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.905.608 đồng.

Căn cứ Bản tóm tắt sao kê, thể hiện nội dung vào kỳ sao kê ngày 05/3/2017, kể từ kỳ thanh toán tháng 5/2021 đến nay ông TNT đã không TNT toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Do đó, ngày 05/11/201 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn với số tiền gốc là 17.866.022 đồng (Trong đó bao gồm: nợ cuối kỳ 17.295.097 đồng, nợ lãi trong hạn 372.388 đồng, phí trễ hạn 198.537 đồng). Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc như trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông TNT có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho nguyên đơn, ngoài ra không yêu cầu ai khác phải có trách nhiệm thanh toán.

*\* Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi:*

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi phát sinh đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 01/12/2014 số tiền nợ gốc là 17.866.022 đồng tính từ ngày 01/6/2017 đến ngày xét xử 18/8/2022, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

Ngày 01/12/2014, Ngân hàng TMCPSGTT (gọi tắt là Ngân hàng) có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng).

Căn cứ thu nhập của ông TNT, Ngân hàng TMCPSGTT đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất vay phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp quy định tại Khoản 1, 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Vì vậy, Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu ông TNT trả số tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 18/8/2022 là 37.086.786 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông TNT phải trả cho Ngân hàng TMCP SGTT theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số tiền là 54.952.808 (Năm mươi bốn triệu chín trăm năm mươi hai nghìn tám trăm linh tám) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 17.866.022 (Mười bảy triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm hai mươi hai) đồng, lãi quá hạn là 37.086.786 (Ba mươi bảy triệu không trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi sáu) đồng.

Ông TNT còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 19/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP SGTT.

[4] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng TMCP SGTT được chấp nhận nên bị đơn ông TNT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.747.640 (Hai triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 1.236.017 (Một triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn không trăm mười bảy) đồng cho Ngân hàng TMCP SGTT theo biên lai thu số AA/2021/0019634 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị về nội dung và kiến nghị về tố tụng là có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCPSGTT về việc yêu cầu ông TNT trả nợ.

Buộc ông TNT phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCPSGTT tổng số tiền là 54.952.808 (Năm mươi bốn triệu chín trăm năm mươi hai nghìn tám trăm linh tám) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 17.866.022 (Mười bảy triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm hai mươi hai) đồng, nợ lãi quá hạn là 37.086.786 (Ba mươi bảy triệu không trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi sáu) đồng. Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Việc thi hành án được thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Ông TNT còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 19/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng thế tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCPSGTT.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông TNT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.747.640 (Hai triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 1.236.017 (Một triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn không trăm mười bảy) đồng cho Ngân hàng TMCPSGTT theo biên lai thu số AA/2021/0019634 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung

năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Vũ Vân**